

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM TÀI CHÍNH 2018**

**(TỪ 01/04/2018 ĐẾN 31/03/2019)**

**HÀ NỘI, THÁNG 6/2019**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

**Năm báo cáo: 2018**

**(Từ ngày 01/4/2018 đến 31/3/2019)**

### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101275603
- Vốn điều lệ: 50.599.920.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.599.920.000 đồng
- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-4) 37534862
- Số fax: (84-4) 38361898
- Website: <http://www.vangthanglong.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VTL

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiền thân là Xí nghiệp nước giải khát Thăng Long ra đời ngày 24 tháng 3 năm 1989 trực thuộc Công ty Rượu bia Hà Nội.
- Ngày 16/8/1993: Đổi tên thành Công ty Rượu nước giải khát Thăng Long.
- Năm 2001, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Thăng Long theo Quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Công ty Cổ phần Thăng Long với số vốn điều lệ ban đầu 11,6 tỷ đồng.
- Tháng 11/2003: Công ty tăng vốn lên 14.047.100.727 đồng.
- Năm 2005: Công ty tăng vốn lên 18.000.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2005: Cổ phiếu Công ty được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 25/5/2009: Đổi tên Công ty cổ phần Thăng Long thành Công ty cổ phần Vang Thăng Long (Giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 8 số 0103001012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009).
- Ngày 22/10/2009: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Ngày 19/6/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 27.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2013: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106328714), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Tháng 4/2017: Công ty tăng vốn điều lệ lên 40.500.000.000 đồng.
- Tháng 12/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 50.599.920.000 đồng.

#### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

##### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất rượu vang.



- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng).
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa).
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô).
- Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản thức ăn đông lạnh; Sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh; Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm; Buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm; Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống; Kinh doanh thực phẩm chế biến).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, thủy hải sản; Sản xuất các mặt hàng tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Ký gửi hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền SX nước giải khát có gas).
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn).
- Bán buôn gạo (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực; Kinh doanh lương thực).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nhựa, hàng tiêu dùng; Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất; Buôn bán các mặt hàng nhựa).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc; Buôn bán hàng may mặc đồ da và giả da).
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế).
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke))
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Buôn bán vật liệu và thiết bị xây dựng).
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc đồ da và giả da).
- In ấn (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm in các loại).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Buôn bán sản phẩm in các loại).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không có cồn).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì).
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh).
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**3.2. Địa bàn kinh doanh:** Toàn quốc

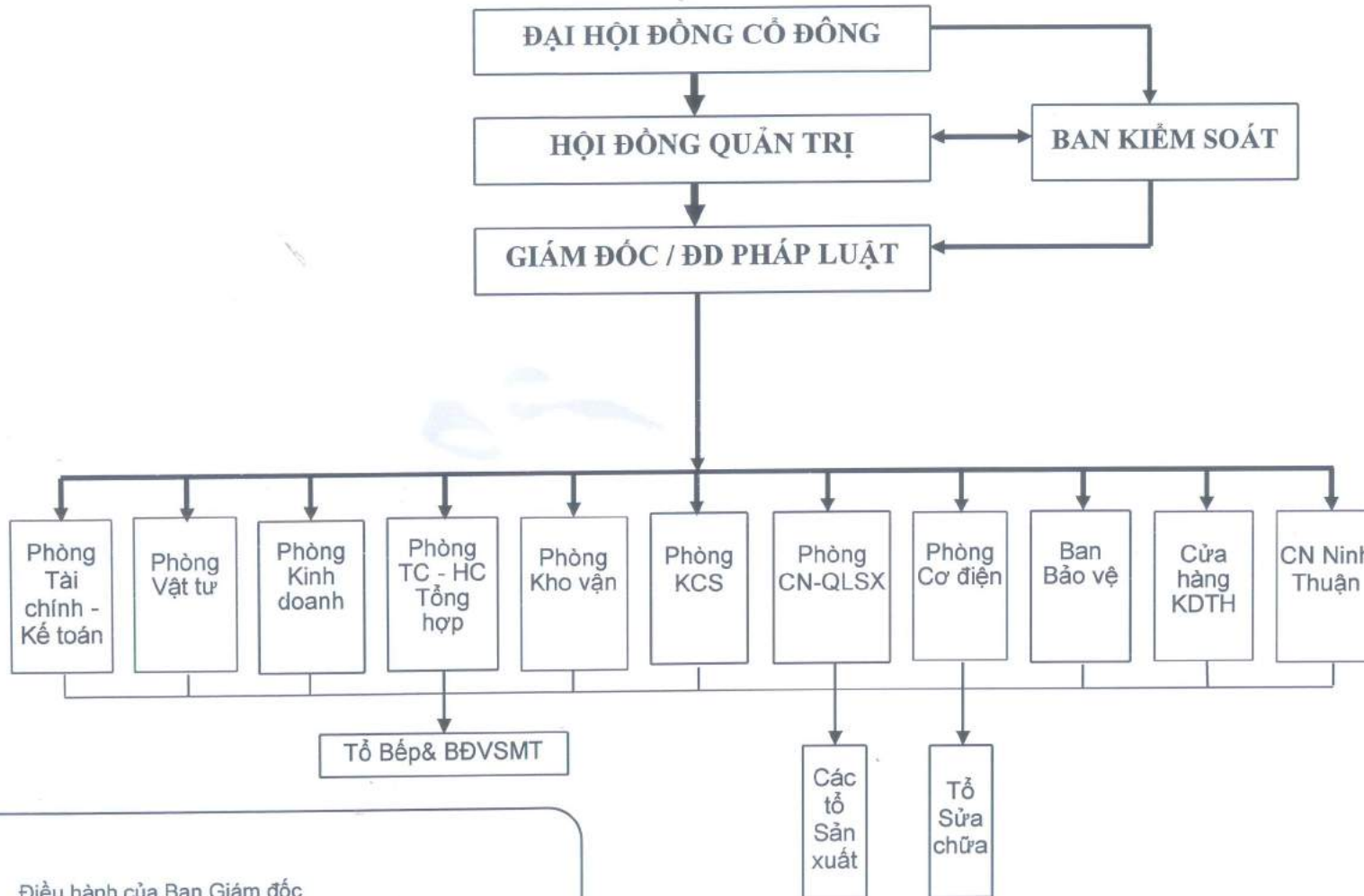
### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

#### **4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:**

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc, Kế toán trưởng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG NĂM TÀI CHÍNH 2018



**Ghi chú:**

-  Điều hành của Ban Giám đốc
-  Điều hành cấp Phòng
-  Phối hợp công việc giữa các Phòng, Ban và các đơn vị.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **4.2. Hệ thống chi nhánh:**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận  
Địa chỉ: Số 62A Lê Duẩn, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

### **4.3. Công ty con:**

#### **4.3.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

#### **4.3.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 343 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long.

### **4.4. Công ty liên kết:**

#### **4.4.1. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn đồ uống.
- Vốn điều lệ thực góp: 270.000.000 đồng chiếm 45% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long.

## **5. Định hướng phát triển:**

### **5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Xây dựng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long thành Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO. Hiện nay, Công ty đang sử dụng ISO 22000 và ISO 14001.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Vang Thăng Long, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường theo thói quen tiêu dùng quốc tế hướng tới xuất khẩu sang thị trường khu vực và các nước Châu Á.
- Củng cố, phát triển vùng nguyên liệu sạch, chất lượng cao tại các tỉnh phía Nam đồng thời xây dựng và mở rộng tại các tỉnh phía Bắc để chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Củng cố, hoàn thiện kênh phân phối, có chính sách hợp lý và linh hoạt đối với các đối tượng khách hàng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phát triển thị trường.

### **5.2. Chiến lược phát triển:**

- Mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước.
- Phát triển hệ thống đại lý quốc tế.
- Duy trì và không ngừng phát triển thương hiệu Vang Thăng Long có uy tín cao tại thị trường Việt Nam, trong khu vực và Châu Á.
- Đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất Vang Thăng Long.
- Mở rộng đầu tư xây dựng, kinh doanh văn phòng, nhà ở.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)**6. Các rủi ro:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vang Thăng Long là sản xuất các loại rượu Vang - các sản phẩm được lên men từ các loại trái cây nhiệt đới sẵn có của Việt Nam như: Dâu, mơ, sơn tra, dứa, nho...

Vì vậy, điều kiện về thời tiết là một trong những yếu tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá thành của sản phẩm.

Ngoài ra, các rủi ro về giá cả, tín dụng và thị trường cũng có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2018 (Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019):****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT	Chỉ tiêu	KH năm tài chính 2018	TH năm tài chính 2018	Tỷ lệ đạt
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	85	98,55	115,9%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	4,0	18,33	458,3%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	3,2	13,74	429,4%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6% - 8%	Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu: 20% Trả cổ tức bằng tiền: 6%	

**2. Tổ chức và nhân sự:****2.1. Danh sách Ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành	1.044.865	20,65%	
2	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,01%	

\* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2018:

**2.1.1.**

Họ và tên: **Phạm Xuân Hà** Giới tính: Nam  
 Họ và tên thường gọi: Phạm Xuân Hà  
 Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1956  
 Nơi thường trú: 8A, Đặng Tất, Ba Đình, Hà Nội  
 Dân tộc: Kinh  
 Tôn giáo: Không  
 Trình độ văn hóa: 10/10  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư  
 Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long  
 Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành

**Tóm tắt quá trình học tập, công tác**

- 1975 - 1977: Đi nghĩa vụ quân sự tại trung đoàn căn cứ F372

- 1978 - 1983: Học Đại học Bách khoa Hà Nội



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

- 1983 - 1990: Cán bộ Thanh tra Thành phố Hà Nội
- 1991 - 2001: Làm việc lại cơ sở sản xuất tư nhân
- 2001 - 2006: Làm việc tại Công ty TNHH Hà Phong
- 2007 - 2013: Làm việc tại Công ty IDJ - Financial
- 2008 - 2010: Làm việc tại Công ty phát triển giáo dục IDJ. Edu
- T4/2010 - T5/2012: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- T5/2012 - T5/2017: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- T5/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

#### 2.1.2.

Họ và tên: **Trần Thị Hoàng Liên** Giới tính: Nữ  
Họ và tên thường gọi: Trần Thị Hoàng Liên  
Sinh ngày: 15 tháng 08 năm 1974  
Quê quán: Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình  
Nơi thường trú: Số 27 ngách 235/15 Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Dân tộc: Kinh  
Tôn giáo: Không  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
Trình độ chính trị: Trung cấp  
Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long  
Chức vụ: Kế toán trưởng

#### Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T9/1992 - 1996: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế
  - T12/1996 - T4/2001: Nhân viên Phòng Hành chính Công ty Rượu - NGK Thăng Long
  - T4/2001 - T5/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
  - T5/2005 - T5/2006: Quyền trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
  - T5/2005 - T6/2007: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
  - T5/2006 - 30/1/2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
  - 31/1/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- \* **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

#### 2.2. Số lượng CBCNV:

STT	Đơn vị	31/3/2018	31/3/2019	Ghi chú
1	Khối Vang	92	92	
2	Cửa hàng KDTH	4	4	
3	Chi nhánh Ninh Thuận	2	2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>98</b>	<b>98</b>	

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

#### **3.1. Tình hình thực hiện các dự án:**

\* Dự án 343 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội:

Trong năm tài chính 2018, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã hoàn thành chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng “Trung tâm giao dịch giới thiệu sản phẩm và cửa hàng bán sản phẩm” tại 343 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

\* Dự án 181 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội:

Tiếp tục hợp tác với Công ty cổ phần siêu thị VHSC (VietNam) triển khai dự án “Tòa nhà Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc” tại 181 Lạc Long Quân. Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy phép đầu tư mới ngày 26/01/2018. Công ty đã hoàn thành thiết kế cơ sở, thỏa thuận cấp điện, nước, môi trường, phòng cháy chữa cháy cho dự án. Công ty đang thiết kế bản vẽ thi công để xin cấp giấy phép xây dựng dự án.

\* Di dời nhà máy sản xuất Vang Thăng Long:

Công ty đã triển khai xây dựng phương án di dời Nhà máy sản xuất Vang Thăng Long sang Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro tại Lệ Chi - Gia Lâm - Hà Nội.

**3.2. Công ty con:**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con đạt được như sau:

**3.2.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long:**

Nội dung	TH 2017	TH 2018	So sánh TH 2018/2017
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	14,2	4,0	28,2%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	11,3	3,1	27,4%
Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	0,6	0,13	21,7%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	0,5	0,11	22%

**3.2.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long:**

Nội dung	TH 2017	TH 2018	So sánh TH 2018/2017
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	0	0	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0	0	

**3.3. Công ty liên kết:**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long đạt được như sau:

Nội dung	TH 2017	TH 2018	So sánh TH 2018/2017
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	45,5	45,2	99,3%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	45,5	45,2	99,3%
Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	0,21	0,21	100%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	0,16	0,16	100%

**4. Tình hình tài chính:****a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	145.599.721.222	138.917.053.996	95,4%
Doanh thu thuần	73.560.010.038	97.615.005.839	132,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.134.760.207	18.272.124.561	582,9%
Lợi nhuận khác	908.448.025	60.710.079	6,7%
Lợi nhuận trước thuế	4.043.208.232	18.332.834.640	453,4%
Lợi nhuận sau thuế	3.421.629.842	13.742.283.453	401,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%	Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu: 20% Trả cổ tức bằng tiền: 6%	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,04	1,18	113,5%
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,35	0,34	97,1%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,67	0,6	89,6%
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,19	1,47	67,1%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0,86	0,91	105,8%
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,51	0,7	72,9%
<b>4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời:</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,05	0,14	280%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,07	0,24	342,9%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,02	0,1	500%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,04	0,19	475%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:****5.1. Cổ phần:**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 5.059.992 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ:

Loại cổ phiếu	Số cổ phiếu
1. Cổ phiếu đang lưu hành	5.059.992
2. Cổ phiếu quỹ	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.059.992</b>

**5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 11/5/2018:**

- Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn	3.587.773	70,9%	4
Cổ đông nhỏ	1.472.219	29,1%	298
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.059.992</b>	<b>100%</b>	<b>302</b>

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông tổ chức	1.972.054	39%	8
Cổ đông cá nhân	3.087.938	61%	294
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.059.992</b>	<b>100%</b>	<b>302</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	5.014.512	99,1%	281
Cổ đông nước ngoài	45.480	0,9%	21
Tổng cộng	5.059.992	100%	302

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	1.943.918	38,42%	1
Cổ đông khác	3.116.074	61,58%	301
Tổng cộng	5.059.992	100%	302

(Cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:****1. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc với mức tăng trưởng GDP đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Đối với ngành công nghiệp bia rượu, thuế TTĐB tiếp tục tăng 5% trong năm 2018 cũng tạo nên áp lực cho doanh nghiệp do gánh nặng thuế này không được chuyển hết cho người tiêu dùng. Đây cũng chính là nguyên nhân góp phần làm giảm tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành trong năm 2018. Thuế TTĐB tiếp tục tăng nhưng giá bán không thể tăng tương ứng với việc tăng thuế do sức mua của người tiêu dùng chưa cao, ngoài ra người tiêu dùng còn có nhiều lựa chọn các sản phẩm rượu nhập ngoại được nhập về Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Vì vậy thị phần, lợi nhuận và doanh số rượu giảm đáng kể trong năm 2018. Cùng với đó là sự gia tăng đáng kể về chi phí đầu vào và áp lực cạnh tranh từ các sản phẩm nhập khẩu, lợi nhuận của các doanh nghiệp rượu được dự báo sẽ tiếp tục kém khả quan trong năm 2019.

Trong năm qua HĐQT, Ban Điều Hành cùng toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty đã cố gắng nỗ lực trong sản xuất và kinh doanh, tuy nhiên tự nhận thấy công tác bán hàng thực sự chưa tốt do đội ngũ lãnh đạo không có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và phân phối sản phẩm. Ban Điều Hành đã tìm các giải pháp khác như khai thác lợi thế các địa điểm để mang lại nguồn lợi nhuận bổ sung cho kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty.

Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng dự án 343 Lạc Long Quân, thực hiện tăng vốn điều lệ bằng chia cổ phiếu 20% và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động; 2.0 tỷ đồng; Trích lập dự phòng các khoản nợ khó đòi tồn đọng từ năm 2012... Những chỉ tiêu cơ bản đạt được theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	KH NĂM 2018	TH NĂM 2018	TỶ LỆ ĐẠT (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	85,0	98,55	115,9
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	4,0	18,33	458,3
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3,2	13,74	429,4
4	Quỹ lương tối đa (tỷ đồng)	7,5	6,6	87,5
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6-8	26	433,3



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

#### Giải thích số liệu:

Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đạt được cao vượt bậc so với kế hoạch 2018 là do trong năm Công ty thực hiện chuyển nhượng thành công dự án 343 Lạc Long Quân. Doanh thu đạt 25,0 tỷ và lợi nhuận chuyển nhượng là 18,36 tỷ đồng.

Sản lượng tiêu thụ rượu giảm so với năm 2017, chỉ đạt 94,4%. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh cơ bản vẫn đạt được những kết quả khả quan nói trên do:

+ Tiết giảm chi phí, cụ thể chi phí tiền lương giảm (đạt 87,5% so với kế hoạch);  
+ Khai thác triệt để lợi nhuận các địa điểm tại các vị trí đang chờ làm dự án như cho thuê kiot, kho hàng.

+ Khai thác công suất thiết bị sản xuất và nhân lực.

+ Quyết liệt hơn trong việc thu hồi công nợ tiền hàng từ các NPP.

## 2. Lợi nhuận và phân chia lợi nhuận năm tài chính 2018:

### 2.1. Kết quả SX-KD năm tài chính 2018:

- Tổng doanh thu hoạt động SXKD hợp nhất: 98.548.485.444 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 18.332.834.640 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 13.742.283.453 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2018 được phép sử dụng để chia cổ tức và trích lập các quỹ: 13.826.330.504 đồng (sau khi loại trừ lợi nhuận hợp nhất với công ty liên kết).
- Trong năm đã thực hiện theo Nghị quyết ĐH ĐCĐ 2018 những nội dung:
  - + Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 8.099.920.000 đồng
  - + Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động: 2.000.000.000 đồng
- Phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2018: 3.726.410.504 đồng.
- Quỹ Phát triển SXKD còn: 1.475.755.461 đề nghị hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức và trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi của công ty đang âm.
- Tổng lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi hoàn nhập quỹ phát triển kinh doanh được dùng để chia cổ tức 2018 và trích lập các quỹ là: 5.202.165.965 đồng

### 2.2. Dự kiến chia lợi nhuận sau thuế còn lại của năm tài chính 2018:

- Thực hiện chia cổ tức bằng tiền 6%: 3.035.995.200 đồng
- Bù đắp quỹ khen thưởng còn thiếu của các năm trước: 2.063.035.045 đồng
- Số còn lại chưa chia hết: 103.135.720 đồng để lại chờ quyết toán thuế, sau đó sẽ có quyết định phân phối.

## 3. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư:

Dự án	KQ thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo
Dự án 343 Lạc Long Quân	Đã thực hiện chuyển nhượng xong cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á.
Khu đất 181 Lạc Long Quân	Tiếp tục các thủ tục để hợp tác đầu tư khai thác địa điểm 181 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội với Công ty CP Siêu thị VHSC (Vietnam)
Di dời Nhà máy sản xuất Vang Thăng Long	Tiếp tục xây dựng phương án di dời Nhà máy sản xuất vang Thăng Long sang Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro tại Lệ Chi - Gia Lâm - Hà Nội.

## 4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn phát hành ra công chúng năm 2017:



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2016; Nghị quyết của HĐQT Công ty số 15/2016/NQ-HĐQT ngày 16/12/2016, Công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu ra công chúng và kết quả thực hiện như sau:

- Tổng số tiền huy động từ đợt phát hành là: 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỷ, năm trăm nghìn đồng chẵn).
- Số tiền huy động thực tế là: 13.498.900.000 đồng (trừ phí chuyển tiền của VSD) (Mười ba tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).
- Số tiền giải ngân thực tế như sau:
  - + Mua nguyên vật liệu: 138.451.406 đồng
  - + Trả tiền vay mua nguyên vật liệu: 12.716.562.994 đồng
  - + Mua sắm thiết bị, máy móc: 643.885.600 đồng

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2018:

Trong năm tài chính 2018, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chịu ảnh hưởng của các yếu tố sau:

##### \* Khó khăn:

- Thị trường rượu bia ngày một cạnh tranh gay gắt.
- Giá cả các nguyên vật liệu, điện, nước... đều tăng làm tăng giá vốn của sản phẩm.
- Đặc biệt, từ ngày 01/01/2018, Nhà nước tiếp tục tăng 5% thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các mặt hàng rượu, bia theo lộ trình làm cho giá bán sản phẩm phải tăng theo tương đương, rất khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm.

##### \* Các hạn chế tồn tại:

- Tính mùa vụ của sản phẩm ngày càng thể hiện đậm nét, gây khó khăn cho dòng vốn.
- Dòng vang ngọt truyền thống chiếm doanh thu chủ đạo, nhưng thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi nên sản lượng tiêu thụ ngày càng giảm sút.
- Hệ thống phân phối của Vang Thăng Long mang màu sắc của thời bao cấp, không chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được tình hình biến động của thị trường.

##### \* Thuận lợi:

Công ty có HĐQT tâm huyết, đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, nỗ lực trong công việc. Đặc biệt, Công ty có sự hỗ trợ của Tổng công ty Thương mại Hà Nội và Tập đoàn BRG nên Công ty đã từng bước tháo gỡ các khó khăn, khắc phục các hạn chế tồn tại.

Với sự nỗ lực, tận tâm, tận lực với Công ty, các thành viên HĐQT Công ty thống nhất tập trung ý chí chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định như sau:

1. Hoàn thành chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng “Trung tâm giao dịch giới thiệu sản phẩm và cửa hàng bán sản phẩm” tại 343 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á với tổng giá trị chuyển nhượng dự án là 25 tỷ đồng, lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 18,4 tỷ đồng.

2. Hoàn thành việc phát hành 1.009.992 cổ phiếu (tương đương giá trị 10.099.920.000 đồng) để tạm ứng 20% cổ tức 2018 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 40.500.000.000 đồng lên 50.599.920.000 đồng.

3. Về tuyển dụng nhân sự cấp cao:



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị Công ty và yêu cầu cấp thiết về nhân sự cấp cao thực tế tại Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và đề xuất về việc tuyển dụng Giám đốc Công ty.

Ngày 05/03/2019, Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP đã cử Ông Đinh Tiến Thành là người đại diện tham gia quản lý, điều hành và giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/04/2019.

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 98,55 tỷ đồng, đạt 115,9% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 giao.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 18,33 tỷ đồng, đạt 458,3 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 giao.

- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối là 3,73 tỷ đồng (sau khi đã tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu (20%), phát hành cổ phiếu thưởng và trích lập dự phòng).

- Cổ tức chi trả bằng tiền: 6%

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Phạm Xuân Hà      | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Hoàng Minh Thọ    | - Ủy viên       |
| 3. Ông Trần Vũ Tuấn      | - Ủy viên       |
| 4. Bà Phan Thị Bích Ngọc | - Ủy viên       |
| 5. Bà Bùi Hoàng Việt Anh | - Ủy viên       |

#### 1.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2018:

HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long luôn coi trọng công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật.

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã tiến hành triệu tập họp 8 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng.

Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Các phiên họp HĐQT mở rộng đều có sự tham dự của Ban điều hành Công ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên.

Qua các cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng, HĐQT Công ty đã ban hành 7 Nghị quyết và 13 Quyết định chỉ đạo đối với các hoạt động của Công ty một cách kịp thời, cùng Ban điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 2. Ban kiểm soát:

#### 2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Bà Trần Thu Hà       | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan | - Ủy viên              |
| 3. Ông Phạm Xuân Thái   | - Ủy viên              |

#### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm tài chính 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban kiểm soát Công ty luôn theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát đã tổ chức các buổi làm việc tại Công ty để kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn và kiểm tra số liệu của báo cáo tài chính năm. Chuẩn bị đầy đủ số liệu để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm tài chính 2018 (từ 01/4/2018 đến 31/3/2019) của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2019:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT, kiêm nhiệm điều hành Công ty	201.775.498	
2	Hoàng Minh Thọ	Ủy viên HĐQT	42.500.000	
3	Trần Vũ Tuấn	Ủy viên HĐQT	42.500.000	
4	Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	42.500.000	
5	Bùi Hoàng Việt Anh	Ủy viên HĐQT	35.000.000	
6	Trần Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	39.500.000	
7	Phạm Thị Ngọc Lan	Ủy viên BKS	91.420.074	
8	Phạm Xuân Thái	Ủy viên BKS	119.845.894	
9	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	145.948.041	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/3/2018 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long:

\* Đơn vị thực hiện kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Liên kè 07 TT2/96B Nguyễn Huy Tường, quận Thanh Xuân, Hà Nội

\* Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long là công ty con 100% vốn của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền là 2.999.766.680 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên thì các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (mã số 26) tăng lên với số tiền 2.999.766.680 đồng, “Lợi nhuận sau thuế TNDN” (mã số 60) giảm đi với số tiền 2.999.766.680 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

---

kế toán hợp nhất gồm: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (mã số 137) tăng lên số tiền 2.999.766.680 đồng, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) giảm đi số tiền 2.999.766.680 đồng.

**\* Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán số: 178/2019/BCKT-AASCN ngày 04/06/2019 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2018 của Công ty CP Vang Thăng Long được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>94.567.430.868</b>	<b>100.959.315.722</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>4.418.018.988</b>	<b>4.317.824.263</b>
1.	Tiền	111		4.418.018.988	4.317.824.263
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>	<b>5.200.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.200.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.429.263.103</b>	<b>24.450.697.573</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	20.023.492.030	19.415.369.220
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		326.882.236	1.693.728.569
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.427.523.476	3.341.599.784
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(348.634.639)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>67.630.077.824</b>	<b>66.747.406.865</b>
1.	Hàng tồn kho	141		67.630.077.824	66.747.406.865
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>90.070.953</b>	<b>243.387.021</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	59.194.883	119.855.495
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	123.531.526
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	30.876.070	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44.349.623.128</b>	<b>44.640.405.500</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>115.000.000</b>	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	115.000.000	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.255.729.690</b>	<b>18.200.883.894</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.566.627.233	18.186.140.095
	- Nguyên giá	222		57.024.161.707	55.980.639.343
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39.457.534.474)	(37.794.499.248)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1.681.944.445	-
	- Nguyên giá	225		1.730.000.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(48.055.555)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.158.012	14.743.799
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(87.841.988)	(80.256.201)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>2.666.913.531</b>	<b>3.625.003.066</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.666.913.531	3.625.003.066
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>842.917.686</b>	<b>1.597.663.713</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		422.917.686	397.663.713
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(780.000.000)	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.469.062.221</b>	<b>21.216.854.827</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	21.469.062.221	21.216.854.827
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>138.917.053.996</b>	<b>145.599.721.222</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.739.971.957</b>	<b>99.924.922.636</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.391.935.076</b>	<b>97.367.933.596</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.830.738.551	3.514.788.397
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		332.054.193	17.748.507.391
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.219.270.717	5.513.405.099
4.	Phải trả người lao động	314		496.684.540	664.525.303
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	70.541.266	204.041.929
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.808.239.395	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	420.806.726	651.972.447
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	60.213.599.688	69.069.122.277
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	1.570.753
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.348.036.881</b>	<b>2.556.989.040</b>
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	2.348.036.881	2.556.989.040
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.177.082.039</b>	<b>45.674.798.586</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>56.177.082.039</b>	<b>45.674.798.586</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.599.920.000	40.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.599.920.000	40.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.101.406.578	3.699.043.125
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		351.405.737	277.413.283
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.750.000.841	3.421.629.842
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>138.917.053.996</b>	<b>145.599.721.222</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>98.548.485.444</b>	<b>74.276.377.845</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	933.479.605	716.367.807
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>97.615.005.839</b>	<b>73.560.010.038</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	61.489.097.371	57.384.759.576
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>36.125.908.468</b>	<b>16.175.250.462</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	356.629.960	338.253.075
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	8.132.669.318	6.780.767.595
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.347.257.057</i>	<i>6.756.877.510</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		25.253.973	69.977.761
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.804.405.532	2.684.855.764
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	6.298.592.990	3.983.097.732
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.272.124.561</b>	<b>3.134.760.207</b>
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	344.010.722	993.800.896
13.	Chi phí khác	32	VI.07	283.300.643	85.352.871
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>60.710.079</b>	<b>908.448.025</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18.332.834.640</b>	<b>4.043.208.232</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4.590.551.187	621.578.390
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>13.742.283.453</b>	<b>3.421.629.842</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		13.742.283.453	3.421.629.842
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>2.716</b>	<b>772</b>
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.11</b>	<b>2.716</b>	<b>772</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		97.995.190.072	88.663.138.261
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(53.924.851.013)	(64.110.941.992)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.283.229.143)	(8.920.746.363)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(7.341.472.647)	(6.763.037.110)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(5.164.799.311)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		182.814.415	3.221.632.955
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.366.713.393)	(25.428.765.575)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.096.938.980</b>	<b>(13.338.719.824)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.696.892.912)	(2.496.191.637)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		343.636.364	393.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.450.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.200.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(170.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		356.629.960	338.253.075
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.203.373.412</b>	<b>(3.384.302.198)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.500.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		73.824.044.388	90.685.018.139
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(84.600.738.578)	(82.783.188.500)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(579.550.002)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.843.873.475)	(2.424.924.150)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.200.117.667)</b>	<b>18.976.905.489</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>100.194.725</b>	<b>2.253.883.467</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>4.317.824.263</b>	<b>2.063.940.796</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>4.418.018.988</b>	<b>4.317.824.263</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 3 năm 2019

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Cửa hàng Kinh doanh tổng hợp	Số 89, Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long – Chi nhánh Ninh Thuận	Số 62a Lê Duẩn, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm</b>	<b>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</b>	
			<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm</b>	<b>Quyền biểu quyết của Công ty</b>	
			<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	45%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **02. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

##### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên xác định giá trị thị trường cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### 03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản chiết khấu thanh toán.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

#### **16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

##### ***Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:***

##### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	4.418.018.988	4.317.824.263
+ Tiền mặt	463.923.486	1.123.727.805
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.954.095.502	3.194.096.458
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.418.018.988</u></b>	<b><u>4.317.824.263</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>5.200.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Số cuối năm			% quyền biểu quyết/ sở hữu	Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		270.000.000	-	422.917.686		270.000.000	-	397.663.713
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long <sup>(a)</sup>	45%	270.000.000	-	422.917.686	45%	270.000.000	-	397.663.713
- Đầu tư vào đơn vị khác		1.200.000.000	(780.000.000)	420.000.000		1.200.000.000	-	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro <sup>(b)</sup>	2,5%	1.000.000.000	(580.000.000)	420.000.000	2,5%	1.000.000.000	-	880.000.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long <sup>(c)</sup>	4,8%	200.000.000	(200.000.000)	(c)	4,8%	200.000.000	-	(c)
<b>Cộng</b>		<b>1.470.000.000</b>	<b>(780.000.000)</b>			<b>1.470.000.000</b>	-	

(a): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ

(b): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Hapro được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM là 4.200 đồng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 100.000 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2019.

(c): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm:**

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	43.631.396.503	44.330.251.487
Góp vốn	-	170.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư:**

Tên Công ty	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị phần vốn góp theo mệnh giá	Hoạt động chính trong năm
<b>Tên Công ty liên doanh, liên kết</b>			
+ Công ty Cổ phần TM và DV Vang Thăng Long	600.000.000	270.000.000	Kinh doanh rượu
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	32.978.600.000	1.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh rượu
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4.201.680.672	200.000.000	Không phát sinh hoạt động

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>20.023.492.030</b>	<b>19.415.369.220</b>
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.302.684.496	2.736.809.496
- Công ty Cổ phần TM và Dịch vụ Vang Thăng Long	13.179.767.802	9.512.070.355
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.541.039.732	7.166.489.369
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.023.492.030</b>	<b>19.415.369.220</b>
<b>Trong đó:</b>		
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	13.179.767.802	9.512.070.355
<b>Cộng</b>	<b>13.179.767.802</b>	<b>9.512.070.355</b>

**04. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.427.523.476</b>	-	<b>3.341.599.784</b>	-
- Tạm ứng	683.893.942	-	1.054.689.472	-
- Phải thu ngắn hạn khác (*)	1.743.629.534	-	2.286.910.312	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>115.000.000</b>	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	115.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.542.523.476</b>	-	<b>3.341.599.784</b>	-

(\*) Trong đó, các khoản chi khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên phát sinh từ năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa có nguồn để bù đắp là 1.658.035.045 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/CPVTL-ĐHCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, khoản chi quỹ khen thưởng phúc lợi này dự kiến được bù đắp từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****05. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.302.684.496	2.095.442.891	-	-
- HKD Trịnh Xuân Hưng	471.310.112	329.917.078	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.773.994.608</b>	<b>2.425.359.969</b>	-	-

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.389.845.700	-	8.897.612.252	-
- Công cụ, dụng cụ	258.758.369	-	291.433.844	-
- Chi phí SXKD dở dang	45.443.937.291	-	45.792.321.482	-
- Thành phẩm	10.067.420.047	-	6.262.306.390	-
- Hàng hoá	1.513.930.196	-	1.425.102.163	-
- Hàng gửi đi bán	3.956.186.221	-	4.078.630.734	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>67.630.077.824</b>	-	<b>66.747.406.865</b>	-

**07. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.666.913.531</b>	<b>3.625.003.066</b>
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	2.548.079.983	1.713.885.855
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	11.347.000	1.911.117.211
+ Dự án Nhà máy SX Vang ở Lệ Chi	107.486.548	-
<b>Cộng</b>	<b>2.666.913.531</b>	<b>3.625.003.066</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.355.914.367</b>	<b>37.259.955.608</b>	<b>3.068.807.898</b>	<b>349.239.818</b>	<b>1.946.721.652</b>	<b>55.980.639.343</b>
- Mua trong năm	-	1.095.770.000	113.636.364	-	-	1.209.406.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	380.000.000	-	-	-	-	380.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(545.884.000)	-	-	-	(545.884.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.735.914.367</b>	<b>37.809.841.608</b>	<b>3.182.444.262</b>	<b>349.239.818</b>	<b>1.946.721.652</b>	<b>57.024.161.707</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.404.170.999</b>	<b>23.765.228.662</b>	<b>1.792.200.877</b>	<b>341.684.330</b>	<b>1.491.214.380</b>	<b>37.794.499.248</b>
- Khấu hao trong năm	334.275.346	1.518.425.602	197.390.769	6.046.113	152.781.396	2.208.919.226
- Thanh lý, nhượng bán	-	(545.884.000)	-	-	-	(545.884.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.738.446.345</b>	<b>24.737.770.264</b>	<b>1.989.591.646</b>	<b>347.730.443</b>	<b>1.643.995.776</b>	<b>39.457.534.474</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.951.743.368</b>	<b>13.494.726.946</b>	<b>1.276.607.021</b>	<b>7.555.488</b>	<b>455.507.272</b>	<b>18.186.140.095</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.997.468.022</b>	<b>13.072.071.344</b>	<b>1.192.852.616</b>	<b>1.509.375</b>	<b>302.725.876</b>	<b>17.566.627.233</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 25.601.463.951 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 25.273.235.306 đồng và 9.924.512.567 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Thuê tài chính trong năm	1.730.000.000	1.730.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>1.730.000.000</b>	<b>1.730.000.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	48.055.555	48.055.555
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>48.055.555</b>	<b>48.055.555</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<b>1.681.944.445</b>	<b>1.681.944.445</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>60.000.000</b>	<b>35.000.000</b>	<b>95.000.000</b>
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>60.000.000</b>	<b>35.000.000</b>	<b>95.000.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>56.789.209</b>	<b>23.466.992</b>	<b>80.256.201</b>
- Khấu hao trong năm	3.210.791	4.374.996	7.585.787
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>60.000.000</b>	<b>27.841.988</b>	<b>87.841.988</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<b>3.210.791</b>	<b>11.533.008</b>	<b>14.743.799</b>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	<b>7.158.012</b>	<b>7.158.012</b>

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>59.194.883</b>	<b>119.855.495</b>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	5.723.864	5.336.364
- Phí bảo hiểm	23.174.619	55.882.333
- Các khoản khác	30.296.400	58.636.798
<i>b. Dài hạn</i>	<b>21.469.062.221</b>	<b>21.216.854.827</b>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	494.343.044	583.206.973
- Tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	19.101.399.680	19.610.806.856
- Chi phí sửa chữa	575.053.865	680.627.717
- Các khoản khác	1.298.265.632	342.213.281
<b>Cộng</b>	<b>21.528.257.104</b>	<b>21.336.710.322</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>69.069.122.277</b>	<b>69.069.122.277</b>	<b>75.748.015.991</b>	<b>84.603.538.580</b>	<b>60.213.599.688</b>	<b>60.213.599.688</b>
- Vay ngân hàng	42.931.944.537	42.931.944.537	53.541.022.183	63.845.874.503	32.627.092.217	32.627.092.217
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ <sup>(a)</sup>	6.214.814.930	6.214.814.930	16.018.886.936	13.223.842.050	9.009.859.816	9.009.859.816
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(b)</sup>	18.893.662.920	18.893.662.920	20.349.657.858	32.171.505.746	7.071.815.032	7.071.815.032
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(c)</sup>	17.823.466.687	17.823.466.687	11.382.392.839	18.450.526.707	10.755.332.819	10.755.332.819
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hà Nội <sup>(d)</sup>	-	-	5.790.084.550	-	5.790.084.550	5.790.084.550
- Vay đối tượng khác	24.311.521.840	24.311.521.840	20.268.041.649	18.477.092.090	26.102.471.399	26.102.471.399
+ Các cá nhân <sup>(e)</sup>	24.311.521.840	24.311.521.840	20.268.041.649	18.477.092.090	26.102.471.399	26.102.471.399
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.825.655.900	1.825.655.900	1.938.952.159	2.280.571.987	1.484.036.072	1.484.036.072
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(f)</sup>	1.193.655.900	1.193.655.900	485.202.149	1.069.021.985	609.836.064	609.836.064
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Sơn <sup>(g)</sup>	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(h)</sup>	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN <sup>(i)</sup>	-	-	821.750.010	579.550.002	242.200.008	242.200.008
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>1.730.000.000</b>	<b>1.938.952.159</b>	<b>2.348.036.881</b>	<b>2.348.036.881</b>
<b>b.1 vay dài hạn</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>-</b>	<b>1.117.202.149</b>	<b>1.439.786.891</b>	<b>1.439.786.891</b>
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>-</b>	<b>1.117.202.149</b>	<b>1.439.786.891</b>	<b>1.439.786.891</b>
- Vay ngân hàng	2.556.989.040	2.556.989.040	-	1.117.202.149	1.439.786.891	1.439.786.891
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(f)</sup>	1.417.989.040	1.417.989.040	-	485.202.149	932.786.891	932.786.891
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Sơn <sup>(g)</sup>	686.000.000	686.000.000	-	392.000.000	294.000.000	294.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(h)</sup>	453.000.000	453.000.000	-	240.000.000	213.000.000	213.000.000
<b>b.2 Nợ thuê tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.730.000.000</b>	<b>821.750.010</b>	<b>908.249.990</b>	<b>908.249.990</b>
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam <sup>(i)</sup>	-	-	1.730.000.000	821.750.010	908.249.990	908.249.990
<b>Cộng</b>	<b>71.626.111.317</b>	<b>71.626.111.317</b>	<b>77.478.015.991</b>	<b>86.542.490.739</b>	<b>62.561.636.569</b>	<b>62.561.636.569</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng số 28292.18.004.736671.TD ngày 18/9/2018 với hạn mức 10.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 8,9%/năm.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/259662/HĐTDHM ngày 22/6/2018, với hạn mức là 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 100 téc inox, hợp đồng tiền gửi, 75 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 10,9%/năm.
- (c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 283/2018/HDTD/TLG/01 ngày 10/5/2018 để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay là 9,9%/năm.
- (d): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 1833700053/HĐTDTHM ngày 03/12/2018, tổng hạn mức tín dụng là 20 tỷ, thời hạn vay không quá 9 tháng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh rượu vang, thương mại rượu vang nhập khẩu. Lãi suất được quy định tại từng khế ước nhận nợ cụ thể và theo lãi suất cho vay của từng đối tượng khách hàng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất trong năm là: 10,9%/ năm.
- (e): Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 10%/năm.

### **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (f): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng cho vay 36\_0/HDTD/TLG/01 ngày 11 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng cho vay 36\_08.16/HDTD/TLG ngày 31 tháng 8 năm 2016 để thanh toán tiền mua Tank, máy móc, hệ thống đường ống Glycol và ô tô. Thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm từ 9,4%/năm – 10,1%/năm.
- (g): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm là 10,9%/năm.
- (h): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/259662/HĐTDTH ngày 06/02/2018 để thanh toán tiền lần 2, lần 3 tiền mua máy đóng nút co tự động 4 đầu của hãng Robino & Galandrino – Italia, với gốc vay là 693.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/259662/HĐBĐ ngày 06/02/2018.
- (i): Khoản nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng thuê tài chính số 126.18.06/CTTCC ngày 06 tháng 11 năm 2018 để thuê máy dán nhãn rượu vang tự động, dán dạng vòng và bộ tùy chọn dán nhãn định vị theo logo. Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất trong năm là 11,5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>3.830.738.551</b>	<b>3.830.738.551</b>	<b>3.514.788.397</b>	<b>3.514.788.397</b>
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	-	-	1.366.041.600	1.366.041.600
- Chi nhánh KDTH - Cty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội	3.427.543.350	3.427.543.350	1.956.600.000	1.956.600.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	403.195.201	403.195.201	192.146.797	192.146.797
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.830.738.551</b>	<b>3.830.738.551</b>	<b>3.514.788.397</b>	<b>3.514.788.397</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	55.494.684	3.274.953.384	55.494.684	-	3.274.953.384
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	254.584.816	254.584.816	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	4.877.482.816	12.307.931.875	7.304.183.481	-	9.881.231.210
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	628.604.484	628.604.484	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	543.372.054	4.590.551.187	5.164.799.311	30.876.070	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.055.545	266.021.727	239.991.149	-	63.086.123
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.575.942.627	2.575.942.627	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>5.513.405.099</b>	<b>23.907.590.100</b>	<b>16.232.600.552</b>	<b>30.876.070</b>	<b>13.219.270.717</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>70.541.266</b>	<b>204.041.929</b>
- Chi phí lãi vay	70.541.266	64.756.856
- Các khoản trích trước khác	-	139.285.073
<b>b. Chi phí phải trả dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>70.541.266</b>	<b>204.041.929</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>420.806.726</b>	<b>651.972.447</b>
- Kinh phí công đoàn	21.107.917	23.219.924
- Bảo hiểm xã hội	115.653.893	-
- Bảo hiểm y tế	45.456.855	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.301.176	-
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	57.034.439	65.907.914
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	168.252.446	562.844.609
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>420.806.726</b>	<b>651.972.447</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.808.239.395</b>	<b>-</b>
- Doanh thu nhận trước	1.808.239.395	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.808.239.395</b>	<b>-</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744
Tăng vốn trong năm trước	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	3.421.629.842	3.421.629.842
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>3.699.043.125</b>	<b>45.674.798.586</b>
Số dư đầu năm nay	40.500.000.000	1.475.755.461	3.699.043.125	45.674.798.586
Tăng vốn trong năm nay <sup>(*)</sup>	10.099.920.000	-	-	10.099.920.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	13.742.283.453	13.742.283.453
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận <sup>(**)</sup>	-	-	(13.339.920.000)	(13.339.920.000)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.599.920.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>4.101.406.578</b>	<b>56.177.082.039</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (\*) Khoản tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/CPVTL-ĐHCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018. Cụ thể:
- Theo tờ trình số 26/TTr-VTL-HĐQT ngày 29/5/2018 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018. Chi tiết:
    - + Số cổ phần phát hành: 810.000 cổ phần;
    - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
    - + Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 8.100.000.000 đồng;
    - + Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu;
    - + Nguồn phát hành: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.
  - Theo tờ trình số 29/TTr-VTL-HĐQT ngày 29/5/2018 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động. Chi tiết:
    - + Số cổ phần phát hành: 200.000 cổ phần;
    - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
    - + Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 2.000.000.000 đồng;
    - + Đối tượng phát hành: Phát hành cho cán bộ công nhân viên của Công ty;
    - + Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu;
    - + Nguồn phát hành: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Vang Thăng Long số 01/2018/CPVTL-ĐHCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề và triển khai các thủ tục liên quan đến đợt phát hành. Kết quả phát hành cổ phiếu như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2018	809.992	8.099.920.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động	200.000	2.000.000.000
<b>Tổng cổ phiếu phân phối</b>	<b>1.009.292</b>	<b>10.092.920.000</b>

- (\*\*) Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/CPVTL-ĐHCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018:

	Năm nay
<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>	<b>3.240.000.000</b>
Chia cổ tức	2.835.000.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	405.000.000
<b>Phân phối lợi nhuận năm nay</b>	<b>10.099.920.000</b>
Tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu	8.099.920.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	2.000.000.000
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>13.339.920.000</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	19.439.710.000	38	16.199.320.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	31.160.210.000	62	24.300.680.000	60
<b>Cộng</b>	<b>50.599.920.000</b>	<b>100</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.500.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	10.099.920.000	13.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.599.920.000	40.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.835.000.000	2.430.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.059.992	4.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.059.992	4.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.059.992	4.050.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.059.992	4.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.059.992	4.050.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

**e. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
<b>Cộng</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>1.475.755.461</b>

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý		
+ Công ty TNHH Hoàng Anh I	16.500.000	16.500.000
+ Văn phòng Tư vấn chuyên giao CNXD	44.380.000	44.380.000
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	24.750.000
+ Công ty CP Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	35.000.000
+ Công ty Cổ phần Sáng tạo	4.000.000	4.000.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển thương hiệu Hoa Lan	20.900.000	20.900.000
+ Khúc văn Đồng - Cửa hàng 26 Nguyễn Công Trứ	184.228.733	-
+ XNSX hàng nhựa	2.288.962.808	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Thăng Long	85.000.000	-
+ DNTN Thành Công (Lạng Sơn)	13.377.901	13.377.901
+ DNTN Hoàng Anh (Uông Bí, Quảng Ninh)	35.875.176	35.875.176
+ Hộ kinh doanh Minh Đức	98.455.456	98.455.456
+ Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Việt Thành	6.768.400	6.768.400
<b>Cộng</b>	<b>2.858.198.474</b>	<b>300.006.933</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	32.536.077.937	35.033.445.933
- Doanh thu bán thành phẩm	33.998.140.042	31.617.238.857
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.289.516.295	2.433.966.563
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	30.724.751.170	5.191.726.492
<b>Cộng</b>	<b>98.548.485.444</b>	<b>74.276.377.845</b>

**Trong đó**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	43.631.396.503	44.330.251.487

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại	773.721.086	362.745.716
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	159.758.519	353.622.091
<b>Cộng</b>	<b>933.479.605</b>	<b>716.367.807</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.487.109.685	33.147.112.583
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	29.306.893.087	23.563.904.513
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	526.845.141	310.474.000
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	2.168.249.458	363.268.480
<b>Cộng</b>	<b>61.489.097.371</b>	<b>57.384.759.576</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	356.629.960	338.253.075
<b>Cộng</b>	<b>356.629.960</b>	<b>338.253.075</b>

**05. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay	7.347.257.057	6.756.877.510
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	720.021	10.497.393
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.692.240	12.739.266
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	780.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	-	653.426
<b>Cộng</b>	<b>8.132.669.318</b>	<b>6.780.767.595</b>

**06. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	343.636.364	386.775.898
- Các khoản khác	374.358	607.024.998
<b>Cộng</b>	<b>344.010.722</b>	<b>993.800.896</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
<b>07. Chi phí khác</b>			
- Các khoản bị phạt hành chính	282.015.512	84.848.712	
- Các khoản khác	1.285.131	504.159	
<b>Cộng</b>	<b>283.300.643</b>	<b>85.352.871</b>	
<b>08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6.298.592.990</b>	<b>3.983.097.732</b>	
- Chi phí nhân viên quản lý	1.897.320.463	1.968.681.319	
- Chi phí đồ dùng văn phòng	270.635.602	87.617.814	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	42.920.484	81.337.159	
- Thuế, phí và lệ phí	308.454.979	292.737.298	
- Chi phí dự phòng	2.906.826.180	300.006.933	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.071.550	1.062.730.429	
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	540.363.732	189.986.780	
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>3.804.405.532</b>	<b>2.684.855.764</b>	
- Chi phí nhân viên	936.619.689	816.699.023	
- Chi phí vật liệu, bao bì	19.418.326	30.150.367	
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.105.910	3.804.546	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	123.816.792	123.816.792	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.256.321	985.509.806	
- Chi phí khác	2.478.188.494	724.875.230	
<b>Cộng</b>	<b>10.102.998.522</b>	<b>6.667.953.496</b>	
<b>09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>			
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.590.551.187	621.578.390	
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-	
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.590.551.187</b>	<b>621.578.390</b>	
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>			
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	13.742.283.453	3.421.629.842	
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-	
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.742.283.453	3.421.629.842	
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	405.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.059.992	3.905.753	
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.716</b>	<b>772</b>	

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

*Đơn vị tính: VND*



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	13.742.283.453	3.421.629.842
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.742.283.453	3.421.629.842
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	405.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.059.992	3.905.753
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.716</b>	<b>772</b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.229.336.326	18.274.253.854
- Chi phí nhân công	7.707.661.404	9.238.210.171
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.676.212.155	2.195.219.578
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.624.225.211	5.453.339.032
- Chi phí khác	9.771.425.401	6.240.763.526
- Chi phí dự phòng	3.649.893.176	300.006.933
<b>Cộng</b>	<b>46.658.753.673</b>	<b>41.401.786.161</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Năm nay</b>
<b>Ban kiểm soát</b>	
Cho vay	636.643.688
Trả tiền vay	2.083.000.000
<b>Người thân với các thành viên chủ chốt</b>	
Cho vay	8.844.880.255
Trả tiền vay	8.369.367.520

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ban kiểm soát</b>		
Vay ngắn hạn	3.434.162.937	4.880.519.249
<b>Người thân với các thành viên chủ chốt</b>		
Vay ngắn hạn	6.248.199.792	5.772.687.057
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>9.682.362.729</b>	<b>10.653.206.306</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	305.380.676	238.267.808
<b>Cộng</b>	<b>305.380.676</b>	<b>238.267.808</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>43.631.396.503</b>	<b>44.330.251.487</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	43.631.396.503	44.330.251.487
<b>Góp vốn</b>	-	<b>170.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	170.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>13.179.767.802</b>	<b>9.512.070.355</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	13.179.767.802	9.512.070.355
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>13.179.767.802</b>	<b>9.512.070.355</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyên, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, bán bất động sản.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<u>Lĩnh vực Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	33.064.660.437	32.536.077.937	1.289.516.295	30.724.751.170	97.615.005.839
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	30.861.655.088	33.655.434.925	842.397.441	13.983.393.824	79.342.881.278
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	2.203.005.349	(1.119.356.988)	447.118.854	16.741.357.346	18.272.124.561
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.612.160.438	743.040.575	37.332.640	-	4.392.533.653
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.257.931.394	632.177.886	31.762.558	539.516.590	3.461.388.428
<b>Số dư cuối năm nay</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.272.692.416	44.548.948.316	1.765.627.526	42.068.849.064	133.656.117.322
- Tài sản không phân bổ					5.260.936.674
<b>Tổng tài sản</b>	<b>45.272.692.416</b>	<b>44.548.948.316</b>	<b>1.765.627.526</b>	<b>42.068.849.064</b>	<b>138.917.053.996</b>
- Nợ phải trả bộ phận	28.026.111.906	27.578.077.294	1.093.013.735	26.042.769.022	82.739.971.957
- Nợ phải trả không phân bổ					-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>28.026.111.906</b>	<b>27.578.077.294</b>	<b>1.093.013.735</b>	<b>26.042.769.022</b>	<b>82.739.971.957</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG THẮNG LONG**Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<u>Lĩnh vực Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm trước</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.900.871.050	35.033.445.933	2.433.966.563	5.191.726.492	73.560.010.038
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	29.041.915.019	39.357.733.137	741.960.037	1.283.641.638	70.425.249.831
<b>- Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>1.858.956.031</b>	<b>(4.324.287.204)</b>	<b>1.692.006.526</b>	<b>3.908.084.854</b>	<b>3.134.760.207</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.302.240.909	181.351.257	12.599.471	-	2.496.191.637
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.218.533.241	885.708.861	61.535.076	131.256.233	3.297.033.411
<b>Số dư cuối năm trước</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	64.319.640.246	57.622.060.210	4.003.322.086	8.539.210.704	134.484.233.246
- Tài sản không phân bổ					11.115.487.976
<b>Tổng tài sản</b>	<b>64.319.640.246</b>	<b>57.622.060.210</b>	<b>4.003.322.086</b>	<b>8.539.210.704</b>	<b>145.599.721.222</b>
- Nợ phải trả bộ phận	35.044.234.467	39.730.928.343	2.760.326.554	22.387.862.519	99.923.351.883
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>35.044.234.467</b>	<b>39.730.928.343</b>	<b>2.760.326.554</b>	<b>22.387.862.519</b>	<b>99.924.922.636</b>

**Khu vực địa lý kinh doanh:**

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.418.018.988	-	4.317.824.263	-	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.767.121.564	-	21.702.279.532	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	5.200.000.000	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	(780.000.000)	1.200.000.000	-	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>27.385.140.552</b>	<b>(780.000.000)</b>	<b>32.420.103.795</b>	<b>-</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả cho người bán	3.830.738.551	3.514.788.397	(*)	(*)		
Vay và nợ	62.561.636.569	71.626.111.317	(*)	(*)		
Chi phí phải trả	70.541.266	204.041.929	(*)	(*)		
Các khoản phải trả khác	168.252.446	562.844.609	(*)	(*)		
<b>Cộng</b>	<b>66.631.168.832</b>	<b>75.907.786.252</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>		

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**05. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.08 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<b>Số cuối năm</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			<b>Điều kiện thế chấp</b>
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng</b>			
Máy móc thiết bị	11.439.545.477	988.995.267	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	439.778.485	
<b>Tài sản thế chấp tại Ngân hàng</b>			
<b>TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn</b>			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.178.781.344	Giải chấp khi các khoản vay được trả
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Tiên Phong</b>			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	5.965.212.951	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	351.744.520	
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.273.235.306</b>	<b>9.924.512.567</b>	
<b>Số đầu năm</b>			
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng</b>			
Máy móc thiết bị	14.010.373.477	1.067.887.539	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	535.323.013	
<b>Tài sản thế chấp tại Ngân hàng</b>			
<b>TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn</b>			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.365.448.016	Giải chấp khi các khoản vay được trả
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Tiên Phong</b>			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	6.744.418.791	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	414.900.676	
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.844.063.306</b>	<b>11.127.978.035</b>	

**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	3.830.738.551	-	-	3.830.738.551
Vay và nợ	60.213.599.688	1.439.786.891	908.249.990	62.561.636.569
Chi phí phải trả	70.541.266	-	-	70.541.266
Các khoản phải trả khác	168.252.446	-	-	168.252.446
<b>Cộng</b>	<b>64.283.131.951</b>	<b>1.439.786.891</b>	<b>908.249.990</b>	<b>66.631.168.832</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	3.514.788.397	-	-	3.514.788.397
Vay và nợ	69.069.122.277	2.556.989.040	-	71.626.111.317
Chi phí phải trả	204.041.929	-	-	204.041.929
Các khoản phải trả khác	562.844.609	-	-	562.844.609
<b>Cộng</b>	<b>73.350.797.212</b>	<b>2.556.989.040</b>	-	<b>75.907.786.252</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán, cụ thể:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	876	(104)	772
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	876	(104)	772

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

\* Toàn bộ Báo cáo tài chính năm tài chính 2018 của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã kiểm toán được đăng đầy đủ trên website: <http://www.vangthanglong.com.vn>.

\* Cơ cấu cổ đông trình bày trong báo cáo là danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 30/05/2019 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty không có danh sách cổ đông tại thời điểm 31/3/2019.

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019

**Chủ tịch Hội đồng quản trị****Phạm Xuân Hà**